

ĐỐI CHIẾU HÀNH VI TỪ CHỐI GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG NGA

Nguyễn Tư Sơn

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Email: thuyla010@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/9/2018; ngày hoàn thành phản biện: 25/9/2018; ngày duyệt đăng: 10/12/2018

TÓM TẮT

Hành vi ngôn ngữ là hành vi được sử dụng trong hội thoại. Khác với các loại hành vi khác, loại hành vi này được thực hiện bởi người nói, phụ thuộc nhiều vào người nghe và bối cảnh giao tiếp, liên quan đến cách ứng xử. Việc rèn luyện kỹ năng nghe - nói là một trong những nhiệm vụ cơ bản trong dạy - học ngoại ngữ, do đó việc đi sâu nghiên cứu hành vi ngôn ngữ, đặc biệt từ góc độ đối chiếu là rất quan trọng. Bài báo này khảo sát những đặc điểm của hành vi *từ chối gián tiếp* trong tiếng Việt và tiếng Nga, chỉ ra cách thức nói năng liên quan nội dung *từ chối* trong bối cảnh giao tiếp cụ thể, qua đó góp phần đổi mới phương pháp và nội dung dạy môn luyện nói cho người học tiếng Việt và tiếng Nga như một ngoại ngữ.

Từ khóa: hội thoại, hành vi ngôn ngữ, hành vi từ chối gián tiếp, cấu trúc hành vi.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với sự ra đời của bộ môn Ngữ dụng học, trong đó đặt ra một trong những nhiệm vụ đầu tiên là nghiên cứu hội thoại, hành vi ngôn ngữ trong hội thoại, mở ra hướng mới trong nghiên cứu ngôn ngữ, hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các nhà giáo học pháp ngoại ngữ đã có nhiều đổi mới trong xây dựng phương pháp dạy - học ngoại ngữ, biên soạn giáo trình dạy tiếng. Theo Austin trong công trình "*How to do things with words*" (1962), có 3 loại hành vi ngôn ngữ trong một phát ngôn: tạo lời, tại lời và mượn lời, đồng thời đã chỉ ra các điều kiện để sử dụng chúng. Trên cơ sở đó, Nguyễn Đức Dân đi sâu làm rõ các kiểu hành vi này (Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, tập 1, 1998), trong đó cần phân biệt hành vi ở lời trực tiếp và gián tiếp. Kiểu hành vi này cũng được nhiều tác giả người Nga quan tâm như E.M.Вершагин, В.Г. Костомаров (*Язык и культура* M. 1976), А.А.Леонтьев (*Язык и речевая деятельность* M.1969) và ứng dụng trong biên soạn giáo trình tiếng Nga dành cho người nước ngoài (А.А.Акишина, Н.И.Формановский (*Русский речевой этикет*, M.1978), В.А. Гольдин (*Этикет и речь* M.1978...) v.v...

Bài báo này đặt ra mục tiêu khảo sát đặc điểm ngữ dụng của hành vi *từ chối* trong tiếng Việt và tiếng Nga, chỉ ra những tương đồng và khác biệt về hình thức và nội dung của cách thức từ chối gián tiếp trong hai ngôn ngữ, qua đó đưa ra một số lưu ý trong dạy – học hai ngôn ngữ này như một ngoại ngữ.

Nghiên cứu hành vi ngôn ngữ nói chung có liên quan trực tiếp đến hội thoại, hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, trong đó thể hiện văn hoá nói năng, tức cách thức ứng xử bằng ngôn ngữ, khả năng xây dựng hội thoại của người tham gia giao tiếp. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong dạy - học ngoại ngữ, nhất là đối với bộ môn thực hành tiếng. Sự ra đời của bộ môn Ngữ dụng học được coi như một cuộc cách mạng, mang lại nhiều hiểu biết mới mẻ đối với giới giáo học pháp ngoại ngữ. Từ đây trong các giáo trình dạy tiếng, bên cạnh việc đi sâu miêu tả các mô hình câu và tổ chức ngữ pháp câu, các nhà biên soạn đã chú trọng hơn đến hành vi nói năng trong hội thoại, mô hình cấu trúc lời thoại, các cặp trao đáp, việc lựa chọn cách thức nói năng phù hợp với từng bối cảnh giao tiếp cụ thể tức văn hoá giao tiếp.

Hành vi *từ chối* gián tiếp (bằng ngôn ngữ) là hành vi nói có hiệu lực của hành vi từ chối, nhưng lại được diễn đạt bằng hình thức của một hành vi nói khác. Suy ra phát ngôn biểu thị hành vi *từ chối* gián tiếp phải là các biểu thức ngôn ngữ không chứa động từ ngữ vi *từ chối* ở vị trí vị ngữ. So với hành vi từ chối trực tiếp, hành vi *từ chối* gián tiếp mang tính lịch sự, trang trọng và mang tính nghi thức nhiều hơn. Chính vì thế, trong thực tế giao tiếp, người nói thường chọn lựa hành vi từ chối gián tiếp thông qua những hành vi khác nhau rất đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng và bối cảnh giao tiếp cụ thể. Lời nói thông qua hành vi ngôn ngữ gián tiếp phụ thuộc rất nhiều vào bối cảnh. Bối cảnh trong hành vi *từ chối* gián tiếp chính là hoàn cảnh sử dụng của nó.

Kết quả khảo sát bước đầu cho thấy, trong hoạt động giao tiếp thường ngày, bên cạnh cách *từ chối* trực tiếp, cả người Nga lẫn người Việt rất hay sử dụng lối *từ chối* gián tiếp vì nhiều lí do (tế nhị, sợ làm mất lòng người nghe...). Điều này liên quan mật thiết đến thói quen nói năng và lối ứng xử bằng ngôn ngữ ở hai dân tộc, do vậy việc đi sâu nghiên cứu hiện tượng này mang ý nghĩa cả thực tiễn lẫn lí luận.

Trên cơ sở thống kê, phân loại các cách thức từ chối gián tiếp, đi sâu miêu tả hành vi từ chối gián tiếp, khảo sát các mô hình cấu trúc của chúng, bằng phương pháp so sánh đối chiếu, bài báo này bước đầu chỉ ra những tương đồng và dị biệt giữa chúng, phục vụ việc dạy - học ở giai đoạn đầu tiếng Việt, tiếng Nga như một ngoại ngữ. Vì vậy, nguồn ngữ liệu (các ví dụ minh họa) chỉ hạn chế lấy từ nguồn một số giáo trình dạy tiếng Việt và tiếng Nga cho người nước ngoài, một số tác phẩm văn học hay qua ghi lại các mẫu hội thoại sinh hoạt đời thường.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Đặc điểm ngữ dụng của hành vi từ chối gián tiếp trong tiếng Việt

2.1.1. Đặc điểm hình thức - thống kê, phân loại

Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy: Trong số 50 đơn vị liên quan đến hành vi từ chối gián tiếp có mặt 5 mô hình cấu trúc gồm:

- Cấu trúc cầu khiến,
- Cấu trúc xác tín (khẳng định),
- Cấu trúc nghi vấn,
- Cấu trúc tiếp nhận/đánh giá,
- Cấu trúc giả định biểu thị.

Đến lượt mình, mỗi kiểu cấu trúc như vậy lại phân ra thành 2 dạng cụ thể khác nhau.

2.1.2. Đặc điểm nội dung - ngữ dụng của các kiểu cấu trúc

2.1.2.1. Cấu trúc cầu khiến biểu thị từ chối

Kiểu cấu trúc cầu khiến biểu thị ý nghĩa từ chối này có thành hai dạng chính như sau:

Dạng thứ nhất: gồm các cấu trúc cầu khiến có nội dung đưa ra phương án thay thế, thương lượng hay đề nghị không truy vấn thay vì từ chối thẳng thừng (trực tiếp)

Trong trường hợp này, thay vì từ chối trực tiếp, người nói sử dụng hành vi cầu khiến trong đó chứa đựng một lời đề nghị thay thế nội dung đề nghị của người nói.

- *Phương án thay thế*

VD1: - Đi uống cà phê nhé !

- (Muộn rồi). *Xem ti vi nhé.*

VD2: - Con xem tivi mẹ nhé!

- Học bài xong đi đã.

Ở đây người nói đưa ra một phương án thay thế mang tính hợp lý hơn, tạo cho người nghe có cảm giác không bị tổn thương và dễ chấp nhận.

- *Đề nghị người nghe không thực hiện hành vi truy vấn*

Đây là hành vi từ chối với mục đích né tránh trước những lời nói mang tính truy vấn của đối phương.

VD :- Một thủ thành nổi tiếng như ông mà để bóng chui qua háng, có cái điều vậy thật hay bịa?

- Thật, thật, nhưng bà phải thấy cái điều đó vô lý và tệ hại có thật vào lúc bà mười tám tuổi đẹp như tiên, đã giang tay gạt sang một bên tất cả các tay cầu thủ trẻ đẹp lại sùng sỏ, kể cả tiền đạo số một rất nổi tiếng hồi ấy.

- *Thôi xin ông đừng nhắc lại nữa, tôi xin ông!*

Dạng thứ hai: cấu trúc cầu khiến dưới dạng hành vi hứa

VD 1: - Lát nữa anh đi chợ với em nhé !

- *Để lúc khác em nhé. (Giờ anh đang bận).*

VD 2: - Chúng ta đi uống bia đi!

- *Chờ tôi gọi điện thoại cho vợ tôi đã.*

2.1.2.2. Cấu trúc khẳng định/xác tín biểu thị từ chối

Cấu trúc này gồm có hai dạng:

Dạng thứ nhất: cấu trúc chứa đựng ý định của người nói nhằm khước từ lời mời/đề nghị của đối tác.

VD: - (Vợ) Nhưng ở VTV1 có phim.

- (Chồng) Phim gì anh cũng không xem. Anh không thể bỏ một trận bóng đá nào.

- (Vợ) *Nhưng em thì muốn xem phim, em cũng không muốn bỏ một bộ phim nào.*

Dạng thứ hai: cấu trúc xác tín chứa đựng khả năng trái ngược mà nếu không thực hiện tất dẫn đến khó khăn với người nghe (giả định).

VD: - Có ai ngồi sau đó ? - Tôi nhắc lại câu hỏi, lần này có gay gắt hơn.

- Tôi đây mà. Tôi nhờ đồng chí lên cầu Đá Xanh một tẹo.

(Quả tôi đoán chẳng sai. Rõ ràng tiếng trả lời của một người đàn bà, một cô gái, tiếng nói trong lẩm và rất bình tĩnh, cứng cỏi nữa là khác. Mặc, tôi vẫn hỏi gặng)

- Đàn ông hay đàn bà?

- Đàn ông?

- *Thôi đi cô, đáng lý tôi đã mời cô xuống. Đây là xe chò hàng quân sự. Cô lên cầu Đá Xanh có việc gì?*

2.1.2.3. Cấu trúc nghi vấn biểu thị từ chối

Cấu trúc này có hai dạng cơ bản:

Dạng thứ nhất: nhắc lại lời đề nghị

VD:- Mạnh ơi! Cậu có quyền tạp chí “Mĩ thuật” mới không?

- *Cậu muốn mượn à? (Tớ đang đọc).*

Dạng thứ hai: đưa ra câu hỏi vặn nhằm biểu thị chê trách, không hài lòng.

VD1: - Còn một cái nữa, cái này có nhưng mà không có ghi trong phiếu.

- Còn gì nữa !

- Phía sau, có một người ngồi nhò lên cầu Đá xanh đấy.

Tôi ngạc nhiên hết sức hỏi vặn :

- *Sao cậu tự động vô nguyên tắc thế hở ?*

VD2: - Này, có tiền cho tớ mượn tạm một ít.

- *Cậu không biết mình vừa mua xe à?*

2.1.2.4 .Cấu trúc tiếp nhận (đánh giá , ghi nhận) biểu thị từ chối

Cấu trúc này cũng có hai dạng:

Dạng thứ nhất: tỏ thái độ đáng tiếc thông qua hành vi cảm ơn, xin lỗi,...

VD 1: - Không biết bây giờ ý Quý thế nào?

Từ trong cổ tôi trào ra một tiếng nấc:

- *Cảm ơn anh!* (Em không thể nói hết với anh bây giờ được đâu ... Anh thông cảm cho em).

VD2: - À, cậu có thể uống 1 li không?

- *Xin lỗi.* (Tôi không uống được)

Dạng thứ hai: bày tỏ nguyện vọng để từ chối.

VD: - Hè này nhóm ta tổ chức lên Đà Lạt nhé!

- *Bọn mình ao ước được một lần đến Sa Pa cơ.*

2.1.2.5. Cấu trúc giả định biểu thị từ chối

Đây là kiểu từ chối gián tiếp thông qua lối nói giả định biểu thị trách móc hay nuối tiếc gồm hai dạng:

Dạng thứ nhất: đưa ra cấu trúc giả định biểu thị trách móc.

VD: - Anh đã đón thằng bé về chưa?

- *Giá mà em nói từ lúc trưa.*

Dạng thứ hai: đưa ra cấu trúc giả định biểu thị hối tiếc.

Đôi chiếu hành vi từ chối gián tiếp trong tiếng Việt và tiếng Nga

VD: - Tối nay cả nhà về ngoại nhé!

- Phải chi thằng cu không ốm.

2.2. Đặc điểm ngữ dụng của hành vi từ chối gián tiếp trong tiếng Nga

2.2.1. Đặc điểm hình thức - thống kê, phân loại

Trong tiếng Nga cũng có mặt 5 kiểu mô hình cấu trúc biểu thị hành vi từ chối gián tiếp như trong tiếng Việt. Mỗi kiểu mô hình này cũng được phân chia thành 2 dạng khác nhau.

2.2.2 Đặc điểm nội dung - ngữ dụng các kiểu cấu trúc

2.2.2.1. Cấu trúc cầu khiến biểu thị từ chối

VD: - Ира, пожалуйста, помоги мне решить задачу! (Ira, giúp mình giải bài toán với!).

- Да делай сама! (Lo mà tự làm đi).

Xét sắc thái nghĩa, ngoài nghĩa từ chối, kiểu cấu trúc này có các sắc thái nghĩa tương ứng với dạng trong tiếng Việt là:

Dạng thứ nhất: đưa ra phương án thay cho nội dung đề nghị.

VD:- Пойдем завтра в парк! (Mai đi chơi công viên nhé!)

- Давай сегодня! (Đi hôm nay thôi)

Dạng thứ hai: đưa ra đề nghị mang tín hiệu thương lượng, hòa hoãn.

VD:- Виктор, познакомь меня с твоей невестой!(Victo, làm quen mình với người yêu cậu đi)

- Подожди к ней и сам это делай! (Cậu tự đi mà làm ấy)

2.2.2.2. Cấu trúc xác tín biểu thị từ chối với hai dạng

Dạng thứ nhất: đưa ra ý định để từ chối đối tác.

VD:- Мама, помоги мне!(Mẹ ơi giúp con với)

- Потом, потом.(Посмотрю сериал...).(Đợi đã.)

Dạng thứ hai: đưa ra khả năng trái ngược nhằm từ chối.

VD:- Клара, ты приготовишь ужин ? (Clara, em sẽ nấu bữa tối chứ?).

- Лучше я приготовлю его потом. (Tốt hơn hết là anh sẽ lo sau).

2.2.2.3. Cấu trúc nghi vấn biểu thị từ chối

Kiểu cấu trúc này cũng có hai dạng

Dạng thứ nhất: lặp lại câu hỏi để biểu thị từ chối với hàm ý phản đối

VD: - Купи ей собаку! (Mua cho cô ấy con chó!)

-... Но где? Где можно купить собаку в Москве?(... Nhưng mua ở đâu? Ở Matcova này biết mua chó ở đâu?)

Dạng thứ hai: đưa ra câu hỏi với hàm ý chê trách

VD1:- Ира, помоги мне решить задачу! (Ira, làm giúp tớ bài toán với!)

-Я ничего не делаю?(Mình rồi hay sao?).

VD 2: - Сколько она стоит? (Giá bao nhiêu chị?).

- 5000 рублей. (5000 rúp).

- Это очень дорого. У вас есть куртки дешевле? (Đắt quá. Chị có loại áo khoác rẻ hơn không?).

2.2.3.4. Cấu trúc tiếp nhận (ghi nhận) biểu thị từ chối gồm hai dạng

Dạng thứ nhất: dùng hành vi xin lỗi, cảm ơn để bày tỏ từ chối.

VD: 1:- Лена, пойдём в парк Культуры! (Lêna, đi công viên Văn hóa nhé!).

- Спасибо, да и день сегодня холодный. (Cảm ơn nhưng hôm nay lạnh lắm).

Dạng thứ hai: bày tỏ nguyện vọng, ý định nhằm từ chối.

VD:- Оля, я хочу пригласить тебя в театр. (Ôlia, mình muốn mời cậu đi xem kịch).

- Спасибо за приглашение. Я очень люблю цирк. (Cảm ơn. Nhưng tớ lại thích xiếc cơ).

2.2.3.5. Cấu trúc giả định biểu thị từ chối với hai dạng

Cấu trúc này có hai dạng:

Dạng thứ nhất: biểu thị mong muốn, tỏ ý đáng tiếc.

VD: - Пойдем в кино, Саша! (Хаса, đi xem phim đi!).

- Было бы у меня время. (Giá mà có thời gian).

Dạng thứ hai: tỏ ý trách móc.

VD:- Оля и Валя, приглашаем вас на наш вечер. (Ôlia và Valia này, mời các bạn đến dự dạ hội nhé).

- Пригласил бы ты поранее. (Giá mà cậu mời sớm hơn).

3. ĐỐI CHIẾU ĐẶC ĐIỂM CỦA HÀNH VI TỪ CHỐI GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG NGA

3.1. Nhận xét chung

Theo lý thuyết trong Ngôn ngữ học đại cương và Loại hình ngôn ngữ học thì những đặc điểm giống và khác nhau trong ngôn ngữ đều mang tính qui luật, trong đó:

Những nét giống nhau bị chi phối bởi qui luật chung của ngôn ngữ, được thể hiện qua hoạt động giao tiếp trực tiếp tức ngôn ngữ nói. Hành vi ngôn ngữ nói chung, hành vi từ chối nói riêng bị chi phối bởi các qui tắc hội thoại (là một trong những vấn đề được Ngữ dụng học quan tâm như đã đặt vấn đề ở trên). Hành vi từ chối gián tiếp trong tiếng Việt và tiếng Nga có nhiều nét giống nhau là vì như vậy.

Xét theo đặc điểm loại hình, những nét khác nhau giữa các ngôn ngữ so sánh chủ yếu do đặc điểm loại hình của mỗi ngôn ngữ sinh ra. Các ngôn ngữ càng khác xa về loại hình càng có nhiều nét khác nhau. Những đặc điểm khác nhau này thể hiện sâu rộng ở phương diện ngữ pháp tức hình thức của ngôn ngữ. Liên quan trực tiếp đến hiện tượng này là hành vi ngôn ngữ trực tiếp nói chung, hành vi từ chối trực tiếp nói riêng (là vấn đề thuộc phạm vi một nghiên cứu khác của chúng tôi).

3.2. Những nét giống và khác nhau

3.2.1. Xét về đặc điểm hình thức

+ *Giống nhau*: xét về hình thức, trong cả hai ngôn ngữ đều có 5 mô hình cấu trúc, mỗi mô hình lại có 2 dạng.

+ *Khác nhau*: tuy số lượng mô hình cấu trúc và kiểu dạng giống nhau nhưng tần số sử dụng giữa chúng lại không như nhau. Trong tiếng Việt kiểu cấu trúc cầu khiến gặp 14 lượt, chiếm 28%, tương ứng trong tiếng Nga là 11 lượt, chiếm 22%; kiểu cấu trúc nghi vấn trong tiếng Việt gặp 12 lượt với 24%, tương ứng trong tiếng Nga là 15 lượt, chiếm 30%. Cụ thể xem bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Bảng đối chiếu tóm tắt

Thứ tự	Kiểu cấu trúc	Dạng	Tiếng Việt		Tiếng Nga	
			Số lượt	Tỉ lệ	Số lượt	Tỉ lệ
1	Cấu trúc cầu khiến	2	14	28%	11	22%
2	Cấu trúc khẳng định	2	16	32%	9	18%
3	Cấu trúc nghi vấn	2	12	24%	14	28%
4	Cấu trúc tiếp nhận, đánh giá	2	6	12%	7	14%
5	Cấu trúc giả định	2	2	4%	9	18%
Tổng	5	10	50	100%	50	100%

3.2.2. Xét về nội dung biểu đạt hay ý nghĩa ngữ dụng

Trong cả 2 ngôn ngữ cách từ chối gián tiếp có số lượng mô hình cấu tạo tương đương, tuy nhiên hệ số sử dụng hay tần suất xuất hiện của mỗi kiểu cấu trúc là không như nhau. Điều này được lí giải bởi mỗi một mô hình cấu trúc hành vi từ chối gián tiếp trên, bên cạnh ý nghĩa chung là *từ chối*, còn hàm chứa những sắc thái nghĩa biểu thị tình cảm, thái độ, sự đánh giá một cách tế nhị khác nhau từ phía người nói, qua đó giữ thể diện cho đối tác và không làm ảnh hưởng mối quan hệ qua lại giữa những người tham gia giao tiếp với nhau trong hội thoại.

+ *Nét giống nhau*

Như đã đặt vấn đề ở trên, lối nói gián tiếp nói chung, cách từ chối gián tiếp nói riêng phụ thuộc nhiều vào bối cảnh giao tiếp, vào mối quan hệ giữa người nói và người nghe. Xét về phương diện này sự tương đồng giữa hai ngôn ngữ là rất lớn. Ở đây thể hiện văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp. Trước hết những nét giống nhau này thể hiện qua các nhân tố chi phối sự lựa chọn cách nói năng của các bên giao tiếp. Đó là:

- Vai giao tiếp tức vị thế của người nói và người nghe;
- Mối quan hệ thân – sơ;
- Tính quan trọng của chủ đề hội thoại;
- Bối cảnh giao tiếp tức không gian và thời gian trong đó hội thoại diễn ra.

Tùy thuộc vào các nhân tố hội thoại này mà người nói lựa chọn cho mình mô hình cấu trúc từ chối phù hợp nhất, mang lại hiệu quả nhất cho lời nói.

+ *Nét khác nhau*

Sự khác nhau trong nội dung biểu đạt của hành vi từ chối gián tiếp nằm ở nghĩa hàm ẩn của mỗi kiểu loại cấu trúc từ chối gián tiếp cụ thể. Kết quả khảo sát cho thấy:

Trong tiếng Việt:

- Cấu trúc cầu khiến thường gặp trong trường hợp các vai giao tiếp không ngang bằng: lối từ chối này được vai có vị thế cao hơn nói với vai có vị thế thấp hơn, biểu thị ý định riêng hay ngầm trách cứ nhưng không gây căng thẳng trong quan hệ; mối quan hệ giữa người nói và người nghe không thật gần gũi, đôi khi thể hiện vẻ bề trên hay khách khí.

- Cấu trúc khẳng định/xác tín mang tính chất trung hòa: được phát ra khi vị thế giữa hai người có thể ngang vai hay không ngang vai, mối quan hệ thân mật hay chưa thân mật, không mang tính chất khách khí. Nội dung từ chối ở đây vì vậy có tính chất nhẹ nhàng, lịch sự.

- Cấu trúc nghi vấn, ngược lại, thường gặp khi vị thế giữa hai người vừa không ngang bằng vừa ngang bằng, quan hệ giữa người nói – người nghe gần gũi, thân mật. Ý nghĩa từ chối hàm ý ngạc nhiên, nhắc nhở hay quở trách.

- Cấu trúc tiếp nhận, đánh giá được lựa chọn trong trường hợp vị thế giữa hai bên giao tiếp vừa trên/ dưới vừa ngang hàng. Nội dung từ chối mang hàm ẩn tỏ ý hàm ơn hay đáng tiếc.

- Cấu trúc giả định, tương tự, thường gặp khi quan hệ giữa hai bên hoặc ngang vai hoặc trên/dưới, các bên giao tiếp có quan hệ cả thân mật lẫn khách khí, biểu thị ý trách cứ, đáng tiếc từ phía người nói.

Trong tiếng Nga:

- Cấu trúc cầu khiến được phát ra trong trường hợp vai trên nói với vai dưới hay hai vai ngang bằng, hàm chứa ý trách cứ.

- Cấu trúc xác tín được nói ra giữa các vai ngang bằng, với hàm ý an ủi, hay hứa , tỏ thái độ nhẹ nhàng, lịch sự.

- Cấu trúc nghi vấn hàm ẩn chê trách, oán giận khi vai dưới nói với vai trên, hoặc hàm ý phê bình, nhắc nhở khi vai trên nói với vai dưới.

- Cấu trúc tiếp nhận, đánh giá được những người đồng vai sử dụng nhằm bày tỏ thăm ý, nguyện vọng đằng sau hành vi từ chối.

- Cấu trúc giả định được gặp trong trường hợp vai trên nói với vai dưới hay ngang vai nhằm thể hiện ý tiếc nuối hay trách móc.

Kết quả đối chiếu cụ thể cho thấy:

Bảng 2. Đối chiếu đặc điểm nội dung/nghĩa hàm ẩn

Thứ tự	Kiểu cấu trúc	Tiếng Việt					Tiếng Nga				
		Vị thế		Mức độ quan hệ		Nghĩa hàm ẩn	Vị thế		Mức độ quan hệ		Nghĩa hàm ẩn
		Ngang bằng	Trên dưới	Thân	Sơ		Ngang bằng	Trên dưới	Thân	Sơ	
1	Cấu trúc cầu khiến		+		+	Trách cứ		+		+	Trách cứ
2	Cấu trúc khẳng định	+	+	+	+	Lịch sự	+	+	+		An ủi
3	Cấu trúc nghi	+	+	+	+	Quở trách	+	+	+	+	Chê trách

	vấn										
4	Cấu trúc tiếp nhận, đánh giá	+	+	+	+	Hàm ơn		+	+		Thâm ý
5	Cấu trúc giả định	+	+	+	+	Nhắc nhở	+	+	+	+	Trách tiếc

Sự khác nhau về nội dung biểu đạt trong mỗi cấu trúc từ chối gián tiếp như trên thể hiện đặc điểm tâm lí dân tộc, văn hóa ứng xử ở người Việt và người Nga: mỗi một người khi tham gia giao tiếp đều mặc nhiên lựa chọn cách thức phù hợp trên cơ sở thói quen tâm lí, trình độ văn hoá của mình trong mỗi bối cảnh giao tiếp cụ thể.

4. KẾT LUẬN

Mỗi ngôn ngữ đều có cách thức sử dụng phong phú trong biểu đạt nội dung thông tin: cùng một nội dung, người nói có thể lựa chọn lối nói này hay lối nói khác tùy thuộc vào bối cảnh và mục đích giao tiếp cụ thể. Điều này liên quan đến đặc điểm tâm lí, văn hoá dân tộc và văn hoá giao tiếp.

Cũng như mọi hành vi ngôn ngữ khác, hành vi từ chối gián tiếp trong tiếng Nga và tiếng Việt có hình thức biểu đạt linh hoạt, hàm chứa các sắc thái ngữ nghĩa đa dạng, sâu sắc mà việc nhận biết chúng đòi hỏi người tham gia giao tiếp ngoài kiến thức ngôn ngữ chung, còn cần có hiểu biết sâu sắc về văn hoá ứng xử, thói quen nói năng của người bản ngữ. Đây là một trong những khó khăn mà người học ngoại ngữ hay gặp, đòi hỏi phải có sự quan tâm đúng mức ngay từ giai đoạn đầu dạy - học tiếng.

Trong dạy - học ngoại ngữ có hiện tượng giao thoa ngôn ngữ và giao thoa văn hóa, gây lỗi ở nhiều phương diện như lỗi phát âm, dùng từ, lỗi ngữ pháp. Liên quan đến hoạt động nói năng, ngoài các kiểu lỗi này người học cần được trang bị kiến thức văn hóa, phong tục tập quán, văn hóa ứng xử bằng ngôn ngữ của người bản ngữ nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Austin J. L. (1962). *How to do things with words*, Cambridge.
- [2]. Nguyễn Đức Dân (1998). *Ngữ dụng học*, Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Đỗ Hữu Châu (1993). *Ngữ dụng học*, Giáo dục, Hà Nội.

- [4]. Đỗ Hữu Châu. Tìm hiểu văn hoá qua ngôn ngữ, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 10, tr.5-10
- [5]. Nguyễn Thiện Giáp (2000). *Dụng học Việt ngữ*, NXB ĐHQG Hà Nội.
- [6]. Акушина А.А., Формановская Н.И., *Русский речевой этикет*, Москва (1978).
- [7]. Верцагина Т.М., Костомаров В.Г., *Язык и культура*, Москва (1976).
- [8]. Гольдин В.А., *Этикет и речь*, Саратов (1978).
- [9]. Леонтьев А.А., *Язык и речевая деятельность* Москва (1969)
- [10]. Формановская Н.И., *Употребление русского речевого этикета*, Москва (1984).
- [11]. Mai Ngọc Chừ (2006)., *Tiếng Việt cho người nước ngoài*, NXB Thế giới.
- [12]. Bửu Khải, Phan Văn Giưỡng (2008). *Tiếng Việt*, NXB Trẻ.
- [13]. Đoàn Thiện Thuật (chủ biên) (2004). *Tiếng Việt (sách dành cho người nước ngoài) trình độ A*, Hà Nội.
- [14]. Антонова В.Е. *Дорога в Россию 1 и 2*, Москва, МГУ (2001).
- [15]. Глазунова О. И. *Давайте говорить по-русски*, Москва, *Русский язык* (2000).
- [16]. Караванова Н. Б. *Матрёшка. Элементарный практический курс русского языка*, Москва, *Русский язык* (2016).

COMPARISON OF THE INDIRECT REFUSAL BEHAVIORS IN VIETNAMESE AND RUSIAN

Nguyen Tu Son

University of Foreign Languages, Hue University

Email: thuyla010@gmail.com

ABSTRACT

Language behavior is a kind of behaviors used indirect language communication via dialogues. Unlike other types of behaviors (e.g. physical behavior), this kind of behavior is performed by the speaker, depending on the listener and the communicative circumstance related to the reaction manners or communication culture. In the teaching and learning of foreign languages, the practice of listening and speaking skills is one of the basic tasks; therefore, the profound study on language behavior, especially in the comparison between mother tongue and a foreign language, plays a very important role. This paper focuses on the formation characteristics of indirect refusal behavior in Vietnamese and Russian, as well as indicates methods of selecting speech manners of refusal in the specific context of

communication in Vietnamese and Russian; thereby it can make a contribution to innovative methods of teaching speaking skills for Vietnamese and Russian learners as a foreign language.

Keywords: dialogues, communication, language behavior, indirect refusal behaviors, structure of behavior



Nguyễn Tư Sơn, sinh ngày 6/10/1954 tại Quảng Bình. Ông tốt nghiệp chuyên ngành Ngữ văn tại ĐH Sư phạm Quốc gia Lipetsk năm 1979; Tốt nghiệp NCS chuyên ngành Ngôn ngữ học năm 1990 tại ĐH Tổng hợp Quốc gia Belarus. Ông giảng dạy tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế từ năm 1979-2004, từ năm 2004 đến nay là giảng viên khoa Tiếng Nga tại trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Ngôn ngữ học loại hình, Ngôn ngữ học đối chiếu, Ngữ dụng học.

